

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 617/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/5/2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phủ
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Hoàng Kim U, sinh năm 1974
Địa chỉ: Số 10 đường P, phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Hồng Q, sinh năm 1965
Địa chỉ: Số 92 Đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và các bản trình bày ý kiến, nguyên đơn, Bà Võ Hoàng Kim U trình bày: Bà và ông Trần Hồng Q đã tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 1996, có tổ chức đám cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80, quyển số 7 ngày 19/8/1996. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vì không hợp nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông Q không đi làm, nhiều năm ở nhà, hai vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế, về lối sống, cách cư xử. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 02/2019 và không còn chung sống từ 30/12/2020. Nay nhận thấy

không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà U yêu cầu ly hôn ông Q.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên: Trần Hoàng Hải Y, sinh năm 2000 và Trần Hoàng Khánh T, sinh ngày 15/11/2003. Khi ly hôn bà U yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ T. Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn, Ông Trần Hồng Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai bên đoàn tụ nhưng không thành do ông Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, 58, 81 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, giao con chung tên Trần Hoàng Khánh T, sinh ngày 15/11/2003 cho bà Võ Hoàng Kim U trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung tên Trần Hoàng Hải Y, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên không xem xét. Về cấp dưỡng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung Không có. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Căn cứ vào lời khai của đương sự thì giữa các bên đã phát sinh quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Xét việc khởi kiện của Bà Võ Hoàng Kim U phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Xét nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận ký kết hôn số 80 ngày 19/8/1996 của Ủy ban nhân dân phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Võ Hoàng Kim U và ông Trần Hồng Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Theo đơn ly hôn, bản tự khai và trình bày của Bà Võ Hoàng Kim U thì sau thời gian chung sống hạnh phúc ban đầu, mâu thuẫn giữa Bà U và ông Q đã phát sinh trong thời gian dài, hai bên mâu thuẫn về quan điểm sống, về kinh tế, về lối sống, cách suy nghĩ, bà U đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, Bà U khai bà đã quá mệt mỏi, hai bên đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay.

Sau khi vụ án được thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến Tòa án để lấy lời khai và tham gia các buổi hòa giải đoàn tụ nhưng ông Q không đến Tòa án, Ông Q cũng đã ký Đơn yêu cầu giải quyết việc thuận tình ly hôn đề ngày 08/01/2021 để bà U nộp cho Tòa án, điều này cho thấy ông Q không có thiện chí hàn gắn và mong muốn đoàn tụ gia đình với bà U. Từ đó có thể thấy mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà U yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Hoàng Khánh T, sinh ngày 15/11/2003: Xét quá trình chung sống Bà U và ông Q có 02 con chung là Trần Hoàng Hải Y, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét và Trần Hoàng Khánh T, sinh ngày 15/11/2003. Theo nguyện vọng của trẻ T tại bản khai đề ngày 11/01/2021 có xác nhận của ông Q và bà U thì trẻ T có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nguyện vọng này phù hợp với yêu cầu được trực tiếp nuôi trẻ T của bà U, cũng như để tránh việc thay đổi về tâm lý và hoàn cảnh sống của trẻ, việc giao trẻ T cho bà U trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên yêu cầu này của bà U là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng: Bà U khai tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà U khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0089107 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, Bà Võ Hoàng Kim U.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hoàng Kim U được ly hôn Ông Trần Hồng Q.
- Về con chung: Con chung tên Trần Hoàng Hải Y, sinh năm 2000, đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét. Giao con chung tên Trần Hoàng Khánh T, sinh ngày 15/11/2003 cho Bà Võ Hoàng Kim U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng: Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Hoàng Kim U phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0089107 ngày 13/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là xong.

3. Quyền kháng cáo: Bà Võ Hoàng Kim U và Ông Trần Hồng Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận B;
- THADS Quận B;
- UBND phường N, Quận Y (GKH số 80 ngày 19/8/1996).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang